TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2022/HSST
Ngày: 22-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lưu Thanh Bình
Bà Trần Thanh Phương
- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Lưu Thị Hải Anh- Kiểm sát viên.

Các ngày 16/12/2022 và ngày 22/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 234/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2022/QĐXXST-HS ngày tháng 12 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1105/2022/HSST- QĐ ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, đối với bị cáo:

Lê Hữu V, sinh năm 1992, tại Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT: thôn U, xã HX, huyện HK, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: ấp 2, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Đoàn Nguyệt N, có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 02/5/2010, V bị UBND huyện HK, tỉnh Hà Tĩnh ra quyết định số 1239/QĐ-UB áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng, đến ngày 01/4/2012 đã chấp hành xong.

+ Tại Bản án số 138/2014/HSST ngày 16/7/2014, V bị Tòa án nhân dân huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản",

quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 10/02/2015, V đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/7/2022, sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của chị T là bà Tống Thị X, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp P, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Tạm trú: ấp 1, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Nguyệt N, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, phường N, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Tạm trú: ấp 2, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 10 phút ngày 17/7/2022, Lê Hữu V điều khiển xe mô tô hiệu Airblade biển số 38B1-261.64 di chuyển trên đường Tôn Đức Thắng hướng từ ngã tư Tín Nghĩa về ngã tư HP thuộc khu phố PL, thị trấn HP, huyện N. Khi đến cổng Công ty FM thì V nhìn thấy anh Nguyễn Văn Nhiều E (sinh năm 2002) điều khiển xe mô tô hiệu Vario biển số 67G1-842.72 chở chị Nguyễn Thị Ngọc T (sinh năm 2005) ngồi phía sau đi cùng chiều phía trước, trong túi quần sau bên phải của chị T có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53 màu xanh nên V nảy sinh ý định cướp giật điện thoại để lấy tiền tiêu xài. V điều khiển xe chạy theo đến ngã tư HP, lợi dụng lúc anh E giảm tốc độ thì V điều khiển xe áp sát vào phía bên phải và dùng tay trái giật điện thoại di động của chị T rồi để vào túi quần của V và tăng ga bỏ chạy về hướng ngã ba N. E điều khiển xe đuổi theo và truy hô "Cướp, cướp!". Khi V đi qua cầu Bà Ký thuộc địa phận xã LA, huyện LT thì bị Công an xã LA đang tuần tra trên đường phát hiện bắt giữ và bàn giao V cùng tang vật cho Công an thị trấn HP lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 76/KLĐG-HĐĐG ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53, giá trị sử dụng còn lại 20% có giá trị là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53, màu xanh thu giữ đã trả lại cho bị hại chị T;

- 01 xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64 của Lê Hữu V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

- 01 điện thoại di động Samsung của Lê Hữu V không sử dụng vào mục đích phạm tội.

Quá trình điều tra bị hại và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 180/KLĐG-HĐĐG ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: Honda Airblade biển số 38B1-261.64 tại thời điểm ngày 17/7/2022 giá trị sử dụng còn lại 90% có giá trị là 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo V, chị N xác định chiếc xe Honda Airblade biển số 38B1-261.64 là tài sản chung vợ chồng và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên

Tại Cáo trạng số: 221/CT-VKS-NT ngày 23 tháng 11 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lê Hữu V về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Hữu V về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu và thay đổi phần cáo trạng về xử lý vật chứng, đồng thời đề nghị:

Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Hữu V mức án từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A53, màu xanh cho chị Nguyễn Thị Ngọc T;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Toà tuyên:

+ Buộc bị cáo Lê Hữu V phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 20.250.000đồng là giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64. Trả lại cho chị Đoàn Nguyệt N chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64

+ Trả lại cho Lê Hữu V 01 điện thoại di động Samsung.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

- Tóm tắt lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T có trong hồ sơ như sau:

Đối với chiếc điện thoại của chị bị cướp thì Cơ quan công an đã thu hồi và trả lại cho chị. Chị không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin vắng mặt khi xét xử.

- Tóm tắt lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Nguyệt N như sau:

Chị là vợ của bị cáo V, chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64 là tài sản chung vợ chồng nhưng để cho anh V đứng tên. Chiếc xe máy này vợ chồng chị mua tại cửa hàng xe máy Bảy Hương ở thị trấn LT, huyện LT với giá 45.000.000đồng vào tháng 12/2021, chị là người trực tiếp thanh toán theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chủ cửa hàng số tiền 40.000.000đồng ngày 08/12/2021 và 5.000.000đồng còn lại thanh toán bằng tiền mặt. Anh V sử dụng chiếc xe máy này để cướp giật tài sản thì chị không biết. Chị xin nộp số tiền vào ngân hàng nhà nước 20.250.000đồng là giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64 thay cho anh V và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64 để chị làm phương tiện đi làm nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T (Người đại diện theo pháp luật bà Tống Thị X) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, bà X.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các đương sự và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, không có tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu V đã khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo khai nhận: vào lúc 21 giờ 15 phút ngày 17/7/2022 tại đường Tôn Đức Thắng thuộc khu phố PL, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Lê Hữu V đã sử dụng xe mô tô hiệu Airblade biển số 38B1-261.64 thực hiện hành vi Cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53 có giá trị là 900.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc T thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của bị hại, cùng chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Hữu V đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Hữu V phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng

truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện tội phạm, bị cáo sử dụng xe gắn máy để thực hiện hành vi phạm tội với ý thức nhanh chóng tiếp cận tài sản chiếm đoạt rồi tẩu thoát, bất chấp tính mạng của bị hại và người đi đường, thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh và xem thường pháp luật. Xét cần áp dụng hình phạt nghiêm cách li bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian sửa chữa bản thân trở thành người có ích cho xã hội và nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng: không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Lê Hữu V chiếm đoạt của bị hại đã được thu hồi và hoàn trả lại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Xử lý vật chứng:

+ Buộc bị cáo Lê Hữu V phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 20.250.000đồng là giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64.

+ Trả lại cho chị Đoàn Nguyệt N chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 38B1-261.64

+ Trả lại cho Lê Hữu V 01 điện thoại di động Samsung.

[7] Quan điểm truy tố, tội danh, điều luật áp dụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Hữu V phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bội luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 292, 298, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu V phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hình phạt:

Xử phạt: bị cáo Lê Hữu V **03 (ba) năm tù** về tội " Cướp giật tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày 18/7/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Hữu V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan THAHS huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lợi

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**